

Bản án số: 15/2024/HNGĐ - ST

Ngày 21/6/2024

V/v: “Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh và bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2023/TLST – HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT: thôn A, xã An K, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q - Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Quốc V, sinh năm 1990;
Nơi ĐKHSTT: thôn A, xã An K, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q;
Địa chỉ: Công ty Cổ phần Yamamura-Chiba-Ken Kamagaya-shi Awano 626-1 (Aishitei Kamagaya 110), tỉnh Gunma-Nhật Bản.

Về nước ngày 20/3/2024, trú tại: thôn A, xã An K, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Quốc V, sinh năm 1990, thôn A, xã An K, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, đăng ký kết hôn ngày 21/11/2016, tại UBND xã An K, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, trước khi kết hôn vợ chồng chị có thời gian tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, sau khi kết hôn hai vợ chồng chị sinh sống tại thôn A, xã An K, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng chị hạnh phúc. Đến năm 2018 chị xuống Hà N đi làm, anh V

xuống Bắc N làm ở công ty. Đến đầu năm 2019 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi do mỗi người làm việc một nơi vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 8 năm 2022 thì anh V xuất khẩu lao động sang Nhật Bản thì hai vợ chồng sống ly thân. Tôi chỉ biết địa chỉ công ty nơi anh V làm việc, còn địa chỉ nơi ở cụ thể thì tôi không biết. Vì thời gian dài mâu thuẫn, ít liên lạc, sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị H khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị xin ly hôn với anh Hoàng Quốc V.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh V có 01 (một) con chung là cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 18/02/2018. Sau khi ly hôn chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay chị đang làm cho Công ty TNHH Vận tải ĐP TNT, mức lương cơ bản là 15.000.000 đồng/ tháng ngoài ra còn các khoản lương, phụ cấp. Tổng thu nhập khoảng 22.000.000 đồng/ tháng (Giấy xác nhận thu nhập bút lục số 86-87). Thời gian làm việc từ thứ hai đến thứ 7, buổi sáng từ 08h00-12h00, buổi chiều từ 13h30-17h30 (Điều 3 Hợp đồng lao động, bút lục 82-84). Hiện nay chị đang tạm trú tại phường Mai Đ, quận Hoàng M, thành phố Hà N và chị cũng đăng ký cho cháu Hoàng Anh T theo học tại trường Mầm non Mai Đ, quận Hoàng M, thành phố Hà N nên đảm bảo thời gian, điều kiện trông nom, chăm sóc con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị H xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và không vay nợ ai, nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hoàng Quốc V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã An K, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Sau khi kết hôn chị H xuống Hà N làm còn tôi thì lao động tự do tại địa phương cuối tuần xuống thăm vợ. Đến năm 2018 tôi xuống Bắc N làm vợ tôi vẫn làm bên Hà N cuối tuần vợ chồng vẫn thường xuyên gặp nhau. Đến giữa năm 2021 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nhưng sau đó đã làm hoà. Đến tháng 8 năm 2022 tôi sang Nhật Bản xuất khẩu lao động, được khoảng 2 tháng thì vợ chồng ít nói chuyện do tôi gọi vợ tôi không nghe máy. Đến nay chị H nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn tôi nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: anh và chị H có 01 (một) con chung là cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 18/02/2018. Trong khoảng thời gian tôi lao động tại Nhật Bản thì cháu T ở với mẹ, cuối tuần thì chị gái tôi là Hoàng Thị Hải Y đón lên chơi. Tôi về Việt Nam ngày 20/3/2024 từ ngày tôi về cháu T ở với tôi. Sau khi ly hôn anh V đề nghị Toà án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung vì sau khi về nước đến ngày 01/4/2024 anh V có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty Cổ phần hợp tác quốc tế NVS; địa chỉ công ty: số B8. BT1 phố Bùi Xuân P, Mỹ Đ 2, NTL, thành phố Hà N, mức lương cơ bản là 15.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra còn các khoản phụ cấp. Tổng thu nhập 20.000.000 đồng/tháng (Hợp đồng lao động số 05

ngày 01/4/2024, bút lục số 78-79). Thời gian làm việc 8 tiếng/ngày, theo giờ hành chính nên tôi có thể đảm bảo kinh tế và thời gian chăm sóc con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh V xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và không vay nợ ai, nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm

Chị Nguyễn Thị H tiếp tục đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V và được nuôi con chung.

Anh Hoàng Quốc V đồng ý ly hôn với chị H và đề nghị được trực tiếp nuôi con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Quốc V không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung và không thể hoà giải đoàn tụ được. Vì vậy, căn cứ Điều 28; Điều 37; Điều 147; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung: Giao cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 18/02/2018 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Quốc V không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và về vay nợ chung: Chị H và anh V không có, không đề nghị giải quyết. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Quốc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2016, tại UBND xã An K, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (bản sao) và hộ chiếu (bản sao) của anh Hoàng Quốc V do chị H cung cấp có thể xác định anh Hoàng Quốc V hiện nay đang lao động ở Nhật Bản. Sau khi nhận đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị H cung cấp thấy có đủ căn cứ để thụ lý nên Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật. Đến ngày 20/3/2024 anh V trở về Việt Nam. Như vậy là cả hai đương sự đã có mặt tại Việt

Nam, yếu tố nước ngoài trong vụ án không còn, nhưng thời điểm Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thụ lý vụ án anh V vẫn đang ở nước ngoài. Vì vậy, Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tiếp tục giải quyết vụ án.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Quốc V trùng khớp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án, anh V cũng đồng ý ly hôn với chị H. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa anh V và chị H thường xuyên mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị H và anh V có một con chung là cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 18/02/2018. Hiện nay cháu T đang sống chung cùng với chị H, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và không đề nghị anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Về mức thu nhập cơ bản và thời gian làm việc cả anh V và chị H đều đảm bảo khả năng kinh tế và thời gian để chăm sóc con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu T, Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi còn nhỏ và trong thời gian anh V lao động ở nước ngoài cháu T đã sống chung cùng với chị H, hiện nay cháu T đang theo học tại trường Mầm non Mai Đ, quận Hoàng M, thành phố Hà N, anh V làm việc tại Mỹ Đ 2, NTL, Hà N. Để không thay đổi môi trường sinh sống và học tập làm ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của cháu T cần giao cháu T cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Hoàng Quốc V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[2.3]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị H và của anh Hoàng Quốc V. Anh chị xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Quốc V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Như vậy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H với anh Hoàng Quốc V theo giấy chứng nhận kết hôn số 30/2016 ngày 21/11/2016 do UBND xã An K, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q cấp.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 18/02/2018 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Quốc V không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0000012 ngày 01 tháng 12 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Quốc V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà N
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang (khi có HLPL);
- UBND xã An Khang, TP.Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng

